

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC XÂY DỰNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

<b>TT</b>	<b>LĨNH VỰC/TÊN TTHC</b>	<b>LĨNH VỰC</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>
1	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư	Hoạt động xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị cấp huyện
2	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư	Hoạt động xây dựng	Bộ phận Địa chính – Xây dựng cấp xã
3	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
4	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
5	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
6	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
7	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
8	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều	Quy hoạch	UBND tỉnh

<b>TT</b>	<b>LĨNH VỰC/TÊN TTHC</b>	<b>LĨNH VỰC</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>
	chỉnh quy hoạch phân khu đô thị	kiến trúc	
9	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
10	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quy hoạch kiến trúc	UBND huyện
11	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quy hoạch kiến trúc	UBND huyện
12	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
13	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	UBND tỉnh
14	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch kiến trúc	UBND huyện
15	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch kiến trúc	UBND huyện
16	Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở của địa phương	Nhà ở	UBND tỉnh
17	Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở	Nhà ở	UBND tỉnh

TT	LĨNH VỰC/TÊN TTHC	LĨNH VỰC	CƠ QUAN THỰC HIỆN
18	Điều chỉnh Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương	Nhà ở	UBND tỉnh
19	Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Nhà ở	UBND tỉnh

## II. NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

**1. Tên thủ tục hành chính nội bộ: Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt tại cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư (Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị cấp huyện).

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị cấp huyện nhận hồ sơ, trao biên nhận cho chủ đầu tư và thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị cấp huyện sẽ đề nghị Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Xem xét, giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp sau: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền theo quy định; Không thuộc đối tượng phải thẩm định theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định.

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ

quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Chuyên viên căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, các quy chuẩn tiêu chuẩn xây dựng hiện hành thực hiện xem xét, thẩm định hồ sơ và dự thảo văn bản kết quả thẩm định để trình lãnh đạo phòng xem xét, quyết định.

+ Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì cơ quan chuyên môn chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Kết thúc quá trình xử lý hồ sơ, chuyên viên dự thảo văn bản trình lãnh đạo kiểm tra phê duyệt.

+ Trong trường hợp hồ sơ Báo cáo KTKT đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo; Chủ tịch UBND huyện xem xét và có Quyết định phê duyệt gửi chủ đầu tư và các cơ quan liên quan trong 02 ngày.

Bước 4: Trả kết quả giải quyết hồ sơ: tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị.

b) Cách thức thực hiện: Chủ đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình Thẩm định, phê duyệt Báo cáo KTKT hoặc điều chỉnh Báo cáo KTKT theo biểu mẫu BM-QT-TTHC-QLXD-02-01 kèm theo Quy trình này;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công;

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);

- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt

Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);

- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);

Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chủ trì thẩm định trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao chủ đầu tư dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND huyện/ thị xã/ thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế và Hạ tầng/ Phòng Quản lý đô thị.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan liên quan (nếu có).

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định, Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây theo Mẫu số 02a Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ (trong trường hợp hồ sơ BCKTKT đủ điều kiện để trình phê duyệt).

g) Phí, lệ phí: Phí Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng/Điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: Tính theo tỷ lệ % chi phí xây dựng dự án quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu BM-QT-TTHC-QLXD- 02-01 kèm theo.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực Quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

**2. Tên thủ tục hành chính nội bộ: Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.**

2.1. Trường hợp công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã không đủ năng lực để thực hiện thẩm định BCNCKT dự án, BCKTKT, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm định làm cơ sở để quyết định đầu tư dự án.

2.2. Trường hợp Bộ phận Công chức Địa chính – Xây dựng cấp xã thực hiện thẩm định:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt tại cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư (Bộ phận Địa chính - Xây dựng cấp xã).

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Bộ phận Địa chính - Xây dựng cấp xã nhận hồ sơ, trao biên nhận cho chủ đầu tư và thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Bộ phận Địa chính – Xây dựng cấp xã sẽ đề nghị Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Xem xét, giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp sau: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền theo quy định; Không thuộc đối tượng phải thẩm định theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định.

+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Chuyên viên căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, các quy chuẩn tiêu chuẩn xây dựng hiện hành thực hiện xem xét, thẩm định hồ sơ và dự thảo văn bản kết quả thẩm định để trình lãnh đạo phòng xem xét, quyết định.

+ Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Kết thúc quá trình xử lý hồ sơ, chuyên viên dự thảo văn bản trình lãnh đạo kiểm tra phê duyệt.

+ Trong trường hợp hồ sơ Báo cáo KTKT đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo; Chủ tịch UBND cấp xã xem xét và có Quyết định phê duyệt gửi chủ đầu tư và các cơ quan liên quan trong 02 ngày.

Bước 4: Trả kết quả giải quyết hồ sơ: tại Bộ phận Địa chính – Xây dựng cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Chủ đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận Địa chính – Xây dựng cấp xã.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình Thẩm định, phê duyệt Báo cáo KTKT hoặc điều chỉnh Báo cáo KTKT theo biểu mẫu BM-QT-TTHC-QLXD-02-01 kèm theo Quy trình này;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công;

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);

- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);

- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của



pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);

Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao chủ đầu tư dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ phận Địa chính – Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các cơ quan liên quan (nếu có).

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả thẩm định, Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây theo Mẫu số 02a Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ (trong trường hợp hồ sơ BCKTKT đủ điều kiện để trình phê duyệt).

g) Phí, lệ phí: Phí Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng/Điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: Tính theo tỷ lệ % chi phí xây dựng dự án quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu BM-QT-TTHC-QLXD- 02-01 kèm theo.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực Quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

### **3. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **4. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **5. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích từ 10ha trở lên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



**6. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với đồ án, điều chỉnh đồ án 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**7. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V.**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với đồ án, điều chỉnh đồ án 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **8. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị.**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với đồ án, điều chỉnh đồ án 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **9. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích từ 10ha trở lên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với đồ án, điều chỉnh đồ án 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



## **10. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích dưới 10ha.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng đến Văn thư UBND cấp huyện.

Bước 2: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Phòng chuyên môn cấp huyện báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **11. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích dưới 10ha.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng đến Văn thư UBND cấp huyện.

Bước 2: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Phòng chuyên môn cấp huyện báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**12. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích từ 10ha trở lên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**13. Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích từ 10ha trở lên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết đô thị đến Văn thư Sở Xây dựng.

Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với đồ án, điều chỉnh đồ án 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



**14. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích dưới 10ha.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng đến Văn thư UBND cấp huyện.

Bước 2: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Phòng chuyên môn cấp huyện báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**15. Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.**

\* Đối với đồ án có quy mô diện tích dưới 10ha.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng đến Văn thư UBND cấp huyện.

Bước 2: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 3: Phòng chuyên môn cấp huyện báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Thành phần bản vẽ, thuyết minh: Theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhiệm vụ 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, điều chỉnh đồ án quy hoạch.

g) Phí, lệ phí: Theo định mức, chi phí quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **16. Thủ Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở của địa phương**

- a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định.
- b) Cách thức thực hiện: Chưa quy định.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.
  - Dự thảo chương trình phát triển nhà ở.
  - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức .
  - Dự thảo tờ trình của UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua.
  - Dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở.
- d) Thời hạn giải quyết:
- Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.
  - Trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở kỳ tiếp theo.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở sau khi HĐND cấp tỉnh thông qua.
  - Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Chưa quy định
- f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở của địa phương
- g) Phí, lệ phí: Không quy định
- h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không
- i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;
  - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;
  - Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

## **17. Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương**

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Chưa quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Dự thảo Kế hoạch phát triển nhà ở.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở.

- Trước ngày 31 tháng 12 của năm cuối kỳ kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cho kỳ tiếp theo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Chưa quy định

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

## **18. Thủ tục Điều chỉnh Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương**

### **18.1. Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương**

- a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định
- b) Cách thức thực hiện: Chưa quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.
  - Dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.
  - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức.
  - Dự thảo tờ trình của UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua.
  - Dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.
- d) Thời hạn giải quyết:
- Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở sau khi HĐND cấp tỉnh thông qua.
  - Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Chưa quy định
- f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương
- g) Phí, lệ phí: Không quy định
- h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không
- i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:
- Việc điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ hoặc h khoản 1 Điều 27 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 do điều chỉnh quy hoạch tỉnh hoặc do phê duyệt quy hoạch tỉnh trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;
- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

## **18.2. Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương.**

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Chưa quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.
- Dự thảo Kế hoạch phát triển nhà ở.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh.

Trường hợp trong nội dung kế hoạch phát triển nhà ở điều chỉnh có điều chỉnh tăng vốn đầu tư công để phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định điều chỉnh vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi điều chỉnh kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Chưa quy định

f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

Việc điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:



a) Có điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt;

b) Có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được quyết định;

c) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 65 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 nếu kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được xây dựng, phê duyệt chung với kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

### **19. Thủ tục Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

- a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định
- b) Cách thức thực hiện: Chưa quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Chưa quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính
  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh
  - Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Chưa quy định
- f) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.
- g) Phí, lệ phí: Không quy định
- h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không
- i) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
  - Quyết định 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
  - Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;
  - Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025